

I. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm):

Phần 1: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (3,0 điểm)

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ khoanh tròn vào một phương án đúng.

Câu 1: Trong các hàm số sau, hàm số nào là hàm số bậc nhất:

A. $y = 3x^2 + 2$

B. $y = -5x$

$\frac{3}{x} + 7$

C. $y = 0x + 1$

D. $y = x$

Câu 2: Trong các điểm sau, tìm điểm thuộc đồ thị $y = -5x$

A. (0;0)

B. (-5;1)

C. (1;-5)

D. (1;5)

Câu 3: Cho hàm số $y = f(x) = 3x + 2$. Giá trị $f(4)$ là:

A. 12

B. 0

C. 14

D. 16

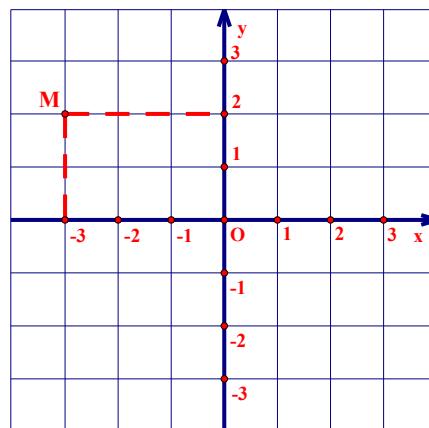
Câu 4: Tìm tọa độ điểm M trong hình bên.

A. M(2 ; 3)

B. M(2 ; -3)

C. M(3 ; 2)

D. M(-3 ; 2)



Câu 5: Hệ số góc của đường thẳng $y = -3x - 27$ là:

A. $a = -27$

B. $a = 3$

C. $a = -3$

D. $a = 27$

Câu 6: Trong các đường thẳng sau, đường thẳng nào tạo với Ox góc nhọn:

A. $y = 3x + 2$

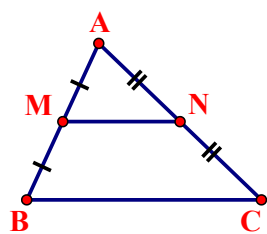
B. $y = -5x$

$\frac{-3}{x}$

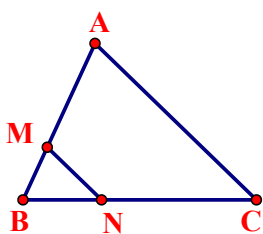
C. $y = -x + 1$

D. $y = \frac{2}{x}$

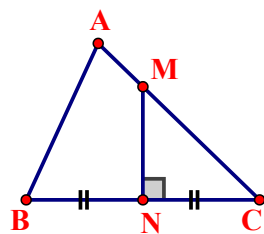
Câu 7: Trong các hình sau, hình nào có đoạn MN là đường trung bình của tam giác ABC ?



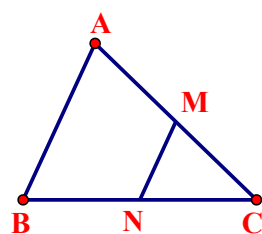
hình 1



hình 2



hình 3



hình 4

- A. Hình 1
B. Hình 2
C. Hình 3
D. Hình 4

Câu 8: Cho các khẳng định dưới đây, khẳng định nào đúng:

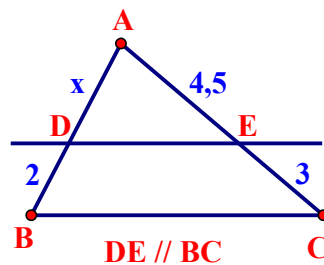
- A. Trong một tam giác chỉ có một đường trung bình.
B. Đường trung bình của tam giác là đoạn thẳng nối trung điểm hai cạnh của tam giác.
C. Đường trung bình của tam giác thì song song với cạnh thứ ba và bằng cạnh ấy.
D. Đường trung bình của tam giác chia góc thành 2 cạnh bằng nhau.

Câu 9: Biết M, N lần lượt là trung điểm của hai cạnh AB, AC của tam giác ABC. Khi đó,

- A. $MN = BC$
B. $MN \perp BC$
C. $MN = 2BC$
D. $MN \parallel BC$

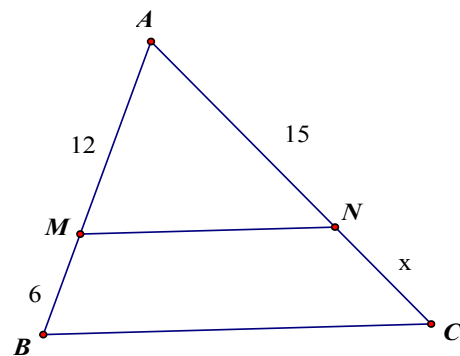
Câu 10: Tìm x trong hình 5.

- A. $x = 4,5$
B. $x = 3$
C. $x = 1,33$
D. $x = 6,75$



Hình 5

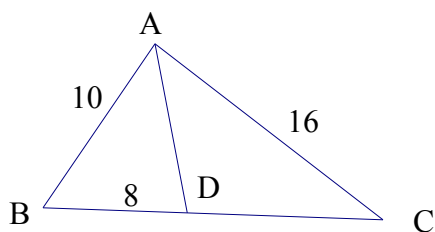
Câu 11: Tính độ dài x trong hình vẽ biết $MN \parallel BC$



- A. $x = 30$
B. $x = 7,5$
C. $x = 4,8$
D. $x = 20$

Câu 12: Cho tam giác ABC với AD là phân giác khi đó độ dài đoạn thẳng CD là:

- A. 12,8
B. 6,4
C. 4
D. $\frac{1}{4}$



Phần 2: Câu trắc nghiệm đúng sai (2,0 điểm)

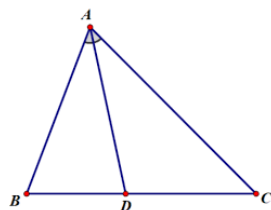
Thí sinh trả lời câu 13 và câu 14. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu thí sinh chọn phương án “Đ” hoặc “S”

Câu 1: Cho hàm số $y = -3x + 4$. Xét tính đúng sai của các mệnh đề sau:

- a) Hàm số đã cho là hàm số bậc nhất
- b) Hệ số góc của hàm số bằng 4
- c) Đồ thị hàm số song song với đồ thị hàm số $y = -3x$
- d) Đồ thị hàm số đi qua gốc tọa độ O (0; 0)

Câu 2:

Cho tam giác $\triangle ABC$ và AD là đường phân giác của góc A (với $D \in BC$). Xét tính đúng sai của các mệnh đề sau:



- a) $\frac{AB}{BD} = \frac{AC}{CD}$
- b) $\frac{AB}{CD} = \frac{AC}{BD}$
- c) $\frac{AB}{AC} = \frac{DC}{DB}$
- d) $\frac{DB}{DC} = \frac{AC}{AB}$

Phần 3: Câu hỏi trắc nghiệm trả lời ngắn (2,0 điểm)

Thí sinh trả lời từ câu 15 đến câu 18. Viết câu trả lời ngắn/kết quả của mỗi Câu hỏi:

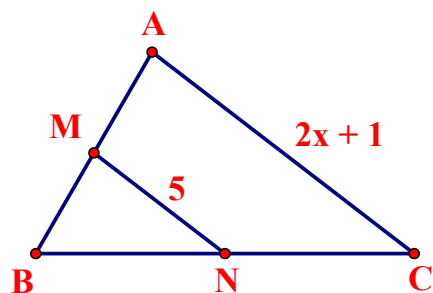
Câu 1: Lấy một ví dụ về hàm số bậc nhất ?

Trả lời

Câu 2 : Cho hàm số $y = f(x) = 2x^2$. Tính $f(3)$

Trả lời

Câu 3 : Cho MN là đường trung bình của tam giác ABC trong hình vẽ bên. Tìm giá trị của x.



Trả lời

Câu 4: Cho $AB = 3\text{cm}$, $AC = 4\text{cm}$. Tỉ số của hai đoạn thẳng AB và CD là:

Trả lời

II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1 : (1,5 điểm)

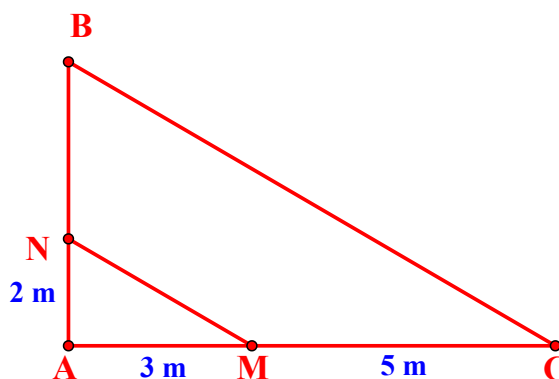
a) Vẽ đồ thị hàm số $y = -x$ và $y = x+3$ trên cùng mặt phẳng tọa độ

b) Cho hai hàm số bậc nhất $y = (m + 5)x - 3$ và $y = 2x + 1$. Với giá trị nào của m thì đồ thị của 2 hàm số đã cho là hai đường thẳng cắt nhau ?

Câu 2 : (1,5 điểm)

a) Cho tam giác ABC có $AB = 6\text{ cm}$, $AC = 8\text{ cm}$. Đường phân giác của góc A cắt BC tại D. Biết $DB = 3\text{ cm}$. Tính DC.

b) Độ cao AN và chiều dài bóng nắng của các đoạn thẳng AN, BN trên mặt đất được ghi lại như trong hình vẽ bên. Tìm chiều cao AB của cây.



.....Hết.....

Giám thị không giải thích gì thêm

DUYỆT CỦA CHUYÊN MÔN

DUYỆT CỦA TỔ TRƯỞNG

GIÁO VIÊN

(Đề số 01)

I. TRẮC NGHIỆM

Phần 1. (3,0 điểm) Mỗi đáp án đúng 0,25 điểm

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
B	C	C	D	C	A	A	B	D	B	B	A

Phần 2. (2,0 điểm)

Đúng 1 câu	Đúng 2 câu	Đúng 3 câu	Đúng 4 câu
0,1	0,25	0,5	1,0

a) $\frac{AB}{BD} = \frac{AC}{CD}$	Đ
b) $\frac{AB}{CD} = \frac{AC}{BD}$	S
c) $\frac{AB}{AC} = \frac{DC}{DB}$	S
d) $\frac{DB}{DC} = \frac{AC}{AB}$	S

Phần 3. (2,0 điểm) Mỗi câu đúng 0,5 điểm

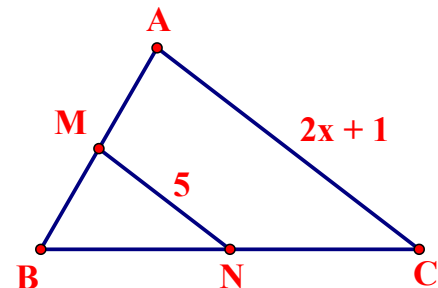
Câu 1: Lấy một ví dụ về hàm số bậc nhất ?

Trả lời: HS tự lấy ví dụ

Câu 2 : Cho hàm số $y = f(x) = 2x^2$. Tính $f(3)$

Trả lời; $y = f(3) = 18$

Câu 3 : Cho MN là đường trung bình của tam giác ABC trong hình vẽ bên. Tìm giá trị của x.



Trả lời: Theo tính chất đường trung bình :

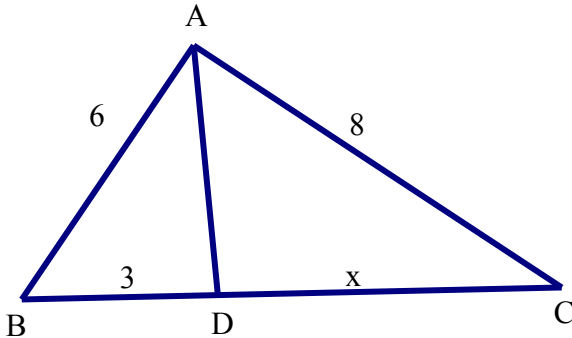
$$5 = \frac{1}{2}(2x + 1) \Leftrightarrow x = \frac{9}{2}$$

Câu 4: Cho $AB = 3\text{cm}$, $AC = 4\text{cm}$. Tỉ số của hai đoạn thẳng AB và CD là:

Trả lời

$$\frac{AB}{CD} = \frac{3}{4}$$

II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1. (1,5 điểm)		
a	Lập bảng Vẽ đúng đồ thị	0,25 0,25
b	$y = (m + 5)x - 3$ và $y = 2x + 1$ Để hai đường thẳng song song với nhau thì $a \neq a'$ $m + 5 \neq 2$ $m \neq -3$	0,5 0,5
Câu 2. (1,5 điểm)		
a	 <p>Theo tính chất đường phân giác :</p> $\frac{AB}{BD} = \frac{AC}{DC}$ $\frac{6}{3} = \frac{8}{x}$ $x = \frac{8 \cdot 3}{6} = 4$	0,25 0,25
b	<p>Theo định lí Talet :</p> $\frac{AN}{NB} = \frac{AM}{MC}$ $\Leftrightarrow \frac{2}{NB} = \frac{3}{5}$ $\Leftrightarrow NB = \frac{10}{3}$ $\Rightarrow AB = AN + NB = \frac{16}{3}$	0,25 0,25 0,25 0,25

Chú ý:

- Nếu HS có cách giải khác mà vẫn đúng thì cho điểm tương ứng với thang điểm trên.
- Nếu HS làm gộp một số bước thì vẫn cho điểm bước đó.
- Trong một bài toán các bước giải có tính Logic với nhau, nếu HS làm đúng phần đầu, sai phần sau thì được $\frac{1}{2}$ số điểm của phần đó. Nếu HS làm sai phần đầu, đúng phần sau thì không đạt điểm.

DUYỆT CỦA CHUYÊN MÔN

DUYỆT CỦA TỔ TRƯỞNG

GIÁO VIÊN

SỞ GD&ĐT NINH THUẬN
TRƯỜNG THCS, THPT BẮC ÁI

1. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

TT	Chủ đề/ Chương	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng			Tỉ lệ % điể m
			TNKQ									Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			Đúng/Sai			Trả lời ngắn									
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	
1	Hàm số và đồ thị	Hàm số và đồ thị	2 0,5 đ	2 0,5 đ		1 1,0 đ			1 0,5đ				1 0,5 đ		2,0	1,0		30
		Hàm số bậc nhất $y = ax + b$ ($a \neq 0$) và đồ thị. Hệ số góc của đường thẳng $y = ax + b$ ($a \neq 0$).	2 0,5 đ						1 0,5đ				1 1,0 đ	0,5	0,5	1,0	20	
2	Định lí Thalès	Định lí Thalès trong tam giác	2 0,5 đ	4 1,0 đ					1 0,5đ				1 1,0 đ	0,5	1,5	1,0	30	
		Đường trung bình của tam								1 0,5đ						0,5	5	

		<i>giác</i>															
		<i>Tính chất đường phân giác của tam giác</i>					1 1,0 đ					1 0,5 đ			1,5		15
Tổng số câu			6	6		1	1		1	2	1		2	2			
Tổng số điểm			3,0			2,0			2,0			3,0			3,0	4,5	2,5
Tỉ lệ%			30			20			20			30			30	45	25

2. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

TT	Chủ đề/ Chương	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá											
				TNKQ									Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			Đúng/Sai			Trả lời ngắn					
				Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
1	Hàm số và đồ thị	Hàm số và đồ thị	Biết: – Nhận biết được những mô hình thực tế dẫn đến khái niệm hàm số. – Nhận biết được đồ thị hàm số.	2 0,5 đ TD	2 0,5 đ GQ		1 1,0 đ TD			1 0,5đ TD			1 0,5 đ GQ		
			Hiểu: – Tính được giá trị của hàm số khi hàm số đó xác định bởi công thức. – Xác định được toạ độ của một điểm trên mặt phẳng toạ độ;												
	Hàm số bậc nhất $y = ax + b$ ($a \neq 0$) và đồ thị. Hệ số góc của đường thẳng $y =$ $ax + b$ (a	Biết: – Nhận biết được khái niệm hệ số góc của đường thẳng y $= ax + b$ ($a \neq 0$).	2 0,5 đ TD							1 0,5đ GQ				1 1,0 đ GQ	
		Hiểu: – Thiết lập được bảng giá trị của hàm số bậc nhất $y =$ $ax + b$ ($a \neq 0$). – Sử dụng được hệ số góc của đường													

		$\neq 0$).	thẳng để nhận biết và giải thích được sự cắt nhau hoặc song song của hai đường thẳng cho trước.												
			Vận dụng: – Vẽ được đồ thị của hàm số bậc nhất $y = ax + b$ ($a \neq 0$).												
2	Định lí Thalès	Định lí Thalès trong tam giác	Biết: – Nhận biết được định nghĩa đường trung bình của tam giác.	2 <i>0,5 đ</i> <i>TD</i>	4 <i>1,0 đ</i> <i>GQ</i>						1 <i>0,5đ</i> <i>GQ</i>				1 <i>1,0 đ</i> <i>MHH</i>
			Hiểu: - Giải thích được tính chất đường trung bình của tam giác (đường trung bình của tam giác thì song song với cạnh thứ ba và bằng nửa cạnh đó). – Giải thích được định lí Thalès trong tam giác (định lí thuận và đảo). – Giải thích được tính chất đường phân giác trong của tam giác.												
			Vận dụng: – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (<i>phức hợp, không quen thuộc</i>)												

			gắn với việc vận dụng định lí Thalès												
		Đường trung bình của tam giác	Vận dụng: – Giải thích được định lí Thalès trong tam giác. – Mô tả được định nghĩa đường trung bình của tam giác. - Giải thích được tính chất đường trung bình của tam giác. Giải thích được tính chất đường phân giác trong của tam giác.									1 0,5đ GQ			
		Tính chất đường phân giác của tam giác	Hiểu: – Tính được độ dài đoạn thẳng bằng cách sử dụng định lí Thalès. Vận dụng: – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc vận dụng định lí Thalès.				1 1,0 đ GQ							1 0,5 đ GQ	
Tổng số câu				6	6		1	1		1	2	1		2	2
Tổng số điểm				3,0			2,0			2,0			3,0		
Tỉ lệ%				30			20			20			30		